

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 81/2019/DS-ST

Ngày: 14/10/2019

V/v tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hòa Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Ngọc Trứ;

- Ông Đoàn Văn Phôi;

- *Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: không tham gia;*

Ngày 14 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019; và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2019/QĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Nguyễn Văn H**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khu vực X, Y, Z, Cần Thơ;

Thường trú: Khu phố F, Phường T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

- **Bi đơn: Phạm Thị Kiều N**, sinh năm 1970;

Phạm Trung H, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: số M Khu phố N, Phường K, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(ông H có mặt, chị N, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào ngày 30/4/2019 chị Phạm Thị Kiều N và anh Phạm Trung H (anh H là con chị N) có đến cửa hàng xe đạp điện hiệu Nam Hải mua 01 xe đạp điện, hình thức trả góp. Giá tiền 9.000.000 đồng, đưa trước 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 8.000.000 đồng. Lãi suất 0,5%/tháng. Khi hợp đồng mua xe hẹn số tiền còn lại sẽ trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 2.000.000 đồng và góp liên tục cho đến hết nợ còn lại. Chị N, anh H đã nhận xe đạp điện hiệu ASAMA – màu sơn: Đỏ -

số sườn TA 20190247. Khi đến mua xe chị N và anh H có đưa 01 sổ hộ khẩu và 01 giấy CMND của chị N. Kể từ khi nhận xe đến nay chị N và anh H không thực hiện trả số tiền còn lại theo hợp đồng. Ông H đã liên lạc nhiều lần cũng như đến nhà chị N, anh H nhưng chị N, anh H tìm cách tránh mặt. Đến ngày 01/6/2019 anh H có đến trả cho ông 800.000 đồng và ngưng luôn cho đến nay. Nay ông H khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Kiều N và anh Phạm Trung H trả cho ông số tiền còn lại 8.000.000 đồng. Trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Phạm Thị Kiều N và anh Phạm Trung H mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Chị Phạm Thị Kiều N anh Phạm Trung H vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị Kiều N và anh Phạm Trung H là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được xem xét, giải quyết theo Điều 430 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H yêu cầu Chị N và anh H trả số tiền nợ mua xe còn lại là 8.000.000 đồng (Ông H không yêu cầu tính lãi). Trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông H có cơ sở, bởi lẽ ngày 30/4/2019 ông H có làm hợp đồng là giấy bán xe cho chị Phạm Thị Kiều N và anh Phạm Trung H 01 xe đạp điện hiệu ASAMA – màu sơn: Đỏ - số sườn TA 20190247 giá tiền là 9.000.000 đồng. Cùng ngày 30/4/2019 chị N và anh H có làm cam kết sẽ thực hiện đúng như thỏa thuận việc mua bán xe với ông H. Tuy nhiên sau khi nhận xe chị N, anh H chỉ thanh toán 02 lần với tổng số tiền là 1.800.000 đồng. Tại phiên tòa ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu chị N, anh H trả cho ông số tiền 8.000.000 đồng. Xét thấy tại đơn khởi kiện và tại phiên Tòa ông H trình bày sau khi nhận xe chị N, anh H đã thanh toán lần 1 số tiền là 1.000.000 đồng; lần 2 số tiền

800.000 đồng. Cũng tại hợp đồng mua bán xe các bên có thỏa thuận nếu chậm trả tiền thì bên mua phải chịu nộp phạt 5%/tổng số tiền nợ còn lại. Tính đến ngày khởi kiện số tiền phạt là 1.200.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa ông H đồng ý khấu trừ 800.000 đồng mà anh H đã thanh toán ngày 01/6/2019 tiền phạt theo hợp đồng, ông H không yêu cầu tính tiền phạt tiếp và yêu cầu chị N, anh H trả cho ông số tiền còn lại là 8.000.000 đồng. Xét yêu cầu của ông H yêu cầu chị N, anh H trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với Điều 430 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N, anh H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự ;
- Căn cứ các Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc chị Phạm Thị Kiều N và anh Phạm Trung H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 8.000.000 đồng, (Tám triệu đồng) trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Chị Phạm Thị Kiều N và anh Phạm Trung H phải chịu số tiền 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại ông Nguyễn Văn H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0000034 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

Ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Chị N và anh H có quyền kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hòa Hợp